

Bản án số: 07/2021/DS-ST

Ngày: 15-4-2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Quang Sơn và bà Trần Thị Ngọc

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vĩnh Nguyên - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm: 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện H, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh P, sinh năm: 1981 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn T, huyện H, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Xuân C, sinh năm: 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn T, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:* Ngày 02/01/2021 (Ngày 20/11/2020 âm lịch), bà Nguyễn Thị Quỳnh P mượn của bà số tiền 260.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, hẹn khi nào cần sẽ lấy lại số tiền này. Mục đích mượn tiền là để mua tài sản và chữa bệnh hiểm muộn của bà P. Trong giấy không có chữ ký của chồng bà P là ông Nguyễn Xuân C vì ông C đang ở tại thành phố P. Thời điểm này, giữa bà và vợ chồng bà P, ông C có mối quan hệ thân thiết nên tin tưởng lẫn nhau.

Vì cần tiền nên nhiều lần bà đến nhà bà P, ông C yêu cầu vợ chồng bà P, ông C trả nợ nhưng bà P, ông C lần tránh, không đồng ý trả nợ. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà P, ông C cùng có trách nhiệm trả số tiền gốc 260.000.000 đồng và lãi suất 9%/năm tính từ ngày khởi kiện đến khi xét xử xong vụ án.

Tại phiên tòa, bà P rút lại yêu cầu lãi suất, chỉ yêu cầu bà P, ông C trả số tiền gốc là 260.000.000 đồng.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh P trình bày:* Ngày 02/01/2021, bà có đến nhà bà Nguyễn Thị P hỏi mượn tiền 260.00.000 đồng và có viết giấy nợ cho bà P số tiền 260.000.000 đồng, mục đích mượn tiền là để chữa trị bệnh hiểm muộn của bà. Nhưng thực tế, bà chưa nhận tiền từ bà P. Vì bà P yêu cầu bà phải có tài sản thế chấp mới cho mượn tiền, nên bà không tiếp tục mượn nữa.

Ngày 03/01/2021, bà yêu cầu bà P viết giấy biên nhận là bà có mượn số tiền 260.000.000 đồng vào ngày 02/01/2021. Sau đó, bà ghi vào đó là đã trả tiền cho bà P.

Do không nhận tiền nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân C:* Ông C là chồng của bà Nguyễn Thị Quỳnh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để lấy lời khai, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử, nhưng ông C vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H cho rằng:

- Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của bà P. Buộc bà P, ông C phải trả cho bà P số tiền 260.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu lãi suất của bà P. Bà P, ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện, thẩm tra các chứng cứ và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị P khởi kiện về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Nguyễn Thị Quỳnh P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân C có nơi cư trú tại khu phố M, thị trấn T, huyện H, tỉnh B. Do đó, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ông Nguyễn Xuân C là chồng của bà Nguyễn Thị Quỳnh P đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhiều lần, tuy nhiên vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm

b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

Ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để lấy lời khai, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử, nhưng ông C vẫn vắng mặt, coi như là từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[2] Về nội dung:

2.1. Đối với chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp: Giấy mượn tiền ngày 02/01/2021, toàn bộ là chữ viết, chữ ký của bà Nguyễn Thị Quỳnh P. Giấy mượn tiền thể hiện việc bà P có mượn số tiền 260.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị P.

Tại Biên bản lấy lời khai của bà P vào ngày 08/02/2021, bà P trình bày mượn số tiền trên để trả nợ và khám bệnh (hiêm muện). Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự (bà P, bà P) đều trình bày mục đích của việc mượn tiền của bà P là để bà P điều trị bệnh hiểm muện. Mặc dù giấy mượn tiền chỉ có bà P ký, nhưng mục đích mượn số tiền 260.000.000 đồng nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, theo khoản 20 Điều 3, Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình, chồng bà P là ông Nguyễn Xuân C phải có nghĩa vụ chung cùng bà P hoàn trả số tiền 260.000.000 đồng cho bà P.

2.2. Đối với chứng cứ mà bị đơn cung cấp:

Giấy ngày 03/01/2021 bà P cung cấp, thể hiện như sau:

“Ngày 02/01/2021, cô P mượn của tôi (Nguyễn Thị P) số tiền là 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu); Ngày 03/01/2021 P đã trả lại số tiền trên, ký nhận; chữ ký - Nguyễn Thị P”.

Các đương sự (bà P, bà P) đều thống nhất như sau: Dòng chữ “Ngày 02/01/2021 cô P mượn của tôi (Nguyễn Thị P) số tiền là 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu, chữ ký - Nguyễn Thị P) là chữ viết, chữ ký của bà Nguyễn Thị P; còn dòng chữ “Ngày 03/01/2021 P đã trả lại số tiền trên” và chữ “ký nhận” là chữ viết của bà Nguyễn Thị Quỳnh P.

Xét thấy: Tại Biên bản lấy lời khai vào ngày 08/02/2021 của bà Nguyễn Thị Quỳnh P; Biên bản hòa giải ngày 04/3/2021 và tại phiên tòa, bà P trình bày có viết giấy mượn số tiền 260.000.000 đồng nhưng thực tế không nhận tiền. Lời khai của bà Phương hoàn toàn mâu thuẫn với chứng cứ mà bà Phương cung cấp cho Tòa án là đã trả tiền cho bà P ngày 03/01/2021. Nếu cho rằng **không có mượn tiền** thì tại sao trong Giấy ngày 03/01/2021 bà ghi đã **trả lại tiền** cho bà P.

Mặt khác, dòng chữ “ngày 03/01/2021 P đã trả lại số tiền trên” và chữ “ký nhận” là chữ viết của bà Nguyễn Thị Quỳnh P **tự viết, chèn vào** khoảng trống của giấy mà bà P cung cấp, không được nguyên đơn chấp nhận. Do đó, chứng cứ bà P cho rằng đã trả tiền là không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của bà P, buộc vợ chồng bà P, ông C phải có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền gốc đã mượn là 260.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà P xin rút phần yêu cầu tính lãi suất, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu này.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà P được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà P, ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 20 Điều 3, Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P. Buộc bà Nguyễn Thị Quỳnh P, ông Nguyễn Xuân C phải trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 260.000.000 (*hai trăm sáu mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

3. Án phí:

- Bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Phấn số tiền 6.500.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0009412 ngày 02/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

- Bà Nguyễn Thị Quỳnh Pg, ông Nguyễn Xuân C phải chịu 13.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có

quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phương